



QUANGNAM

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2019**
annual report

www.qnr.vn

I. Thông tin chung.....	3
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	4
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	12
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	13
V. Quản trị công ty.....	14
VI. Báo cáo tài chính.....	18

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
Trụ sở chính:	Lô 04 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:	0235 3946 345
Fax:	0235 3946 333
Website:	www.qnr.vn
Logo Công ty:	



QUANGNAM

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 16 ngày 22/08/2018.

Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Mã cổ phiếu: VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2003:** Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
 - + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
 - + VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**
 - + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
 - + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**

- + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
- + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'evelyn tower.
- + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³
- **Năm 2010**
- + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
- **Năm 2011**
- + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
- + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
- + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5.3 ha.
- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam
- **Năm 2013:** Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng.
- **Năm 2014:**
- + Tháng 09/2014, Công ty tái cấu trúc đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng
- **Năm 2015:**
- + Tháng 8/2015, Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.
- **Năm 2016:** Mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón hóa chất;
- **Năm 2017:** Công ty tập trung tái cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- **Năm 2018:** Công ty vẫn tiếp tục vào việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- **Năm 2019:** Công ty chúng tôi đã tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính, Công ty đã bước đầu mua lại được một phần mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa.

2.2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, các sản phẩm nhựa PVC, composite và các sản phẩm);
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

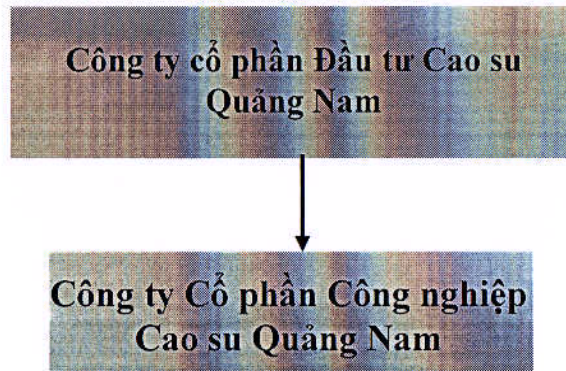
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Trồng cây cao su;
- + Khai thác gỗ;
- + Khai thác quặng đồng;
- + Khai thác quặng sắt;
- + Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- + Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- + Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- + Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- + Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- + Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- + Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- + Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- + Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn giấy các loại;
- + Hoạt động viễn thông có dây;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Trồng cây cao su;
 - + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
 - + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

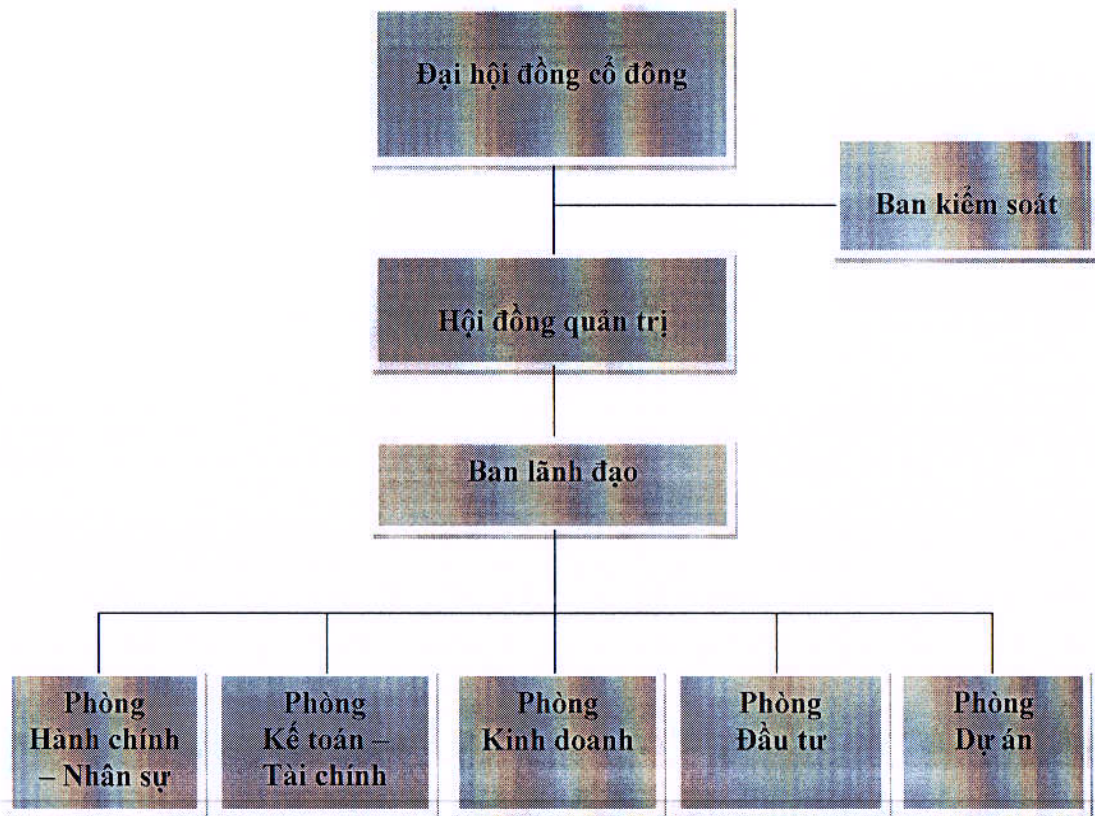
3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con, liên kết

3.3.1 Công ty con:

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 72%

3.3.2 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn

- Địa chỉ: Nhà số 2, LK 5B, Khu đô thị Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội;
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 49%

4. Định hướng phát triển:

Trong những năm tới Công ty sẽ từng bước hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trở lại, hoạt động có hiệu quả và bắt đầu có lãi, với định hướng cụ thể như sau:

- Tập trung hoàn thành quá trình tái cơ cấu những hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, đồng thời nỗ lực thu hồi vốn còn lại của các khoản đầu tư tại các hoạt động sản xuất kinh doanh này.
- Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước, mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.
- Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng, để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong các năm tới
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, hoạt động thương mại chiếm vốn lớn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao đang là bài toán khó cho Công ty trong việc đưa ra những quyết sách phù hợp.

- Giá cao su giảm sâu trên thị trường trong nước và quốc tế là thách thức to lớn trong việc chăm sóc và trồng mới cây cao su, trong khi chưa đánh giá cụ thể chất lượng mùn cây cao su đến thời kỳ thu hoạch.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả cả năm 2019. Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 11 tỷ đồng đạt mức 37.93% kế hoạch đặt ra, tăng 44% so với năm 2018 và lĩnh vực thương mại bột nhựa PVC đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2018.

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch năm 2019 so với năm 2018
1	Tổng tài sản	458.749.670.778	328.919.455.162	(129.830.215.616)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	7.927.043.770	11.380.077.542	3.453.033.772
3	Lợi nhuận sau thuế	(266.927.445.888)	(26.009.187.220)	240.918.258.668
4	EPS	(1.736)	(71)	1.665

Doanh thu Công ty đạt 37.93% so với kế hoạch 30 tỷ, Lợi nhuận sau thuế giảm 2.601% so với kế hoạch 1 tỷ đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Vũ Anh Tuấn – Tổng Giám đốc

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/05/1969
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Mỏ- Địa chất
 Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam kiêm Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

▪ Ông Trương Văn Thịnh – Kế toán trưởng

Họ và tên: Trương Văn Thịnh
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 20/10/1984
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo, đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động của VHG là 15 người, trong đó:

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	15
▪ Nam	13
▪ Nữ	2
Phân theo trình độ học vấn	15
▪ Trình độ đại học và trên đại học	6
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	7
▪ Đối tượng khác	2

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- + Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.
- Năm 2019 Công ty tiếp tục chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án. Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau.

3.2. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

▪ Công ty con:

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013 và chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 02/11/2016.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất săm lốp cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- + Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 72% vốn điều lệ.

▪ Công ty liên kết:

– Công ty Cổ phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106039039
- + Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 2, LK 5B, Khu đô thị Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội.
- + Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nông, lâm thủy sản.
- + Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn) tỷ lệ nắm giữ 49%.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	458.749	328.919	(39.47)
2. Doanh thu thuần	7.926	8.908	11.02
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.272)	88	4.954.55
4. Lợi nhuận khác	(4.890)	(2)	(244.400)
5. Lợi nhuận trước thuế	(203.089)	(141.738)	(43.28)
6. Lợi nhuận sau thuế	(266.927)	(26.009)	(926.29)
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	(1.736)	(71)	(2.345,07)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019 – VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.45	10.78
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.45	10.78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44%	14%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	78.75%	16%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	0	0
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0.01	0.02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(3.367,74%)	(292%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	(69%)	(10%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	(47%)	(7%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh	%	(53.90%)	0.99%

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
thu thuần			
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	(1.736)	(71)

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 150.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 150.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 14/06/2019

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.786	149.464.045	1.494.640.450.000	99.64%
1	Cổ đông tổ chức	20	3.862.704	38.627.040.000	2.58%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	
2	Cổ đông cá nhân	3.766	145.601.341	1.456.013.410.000	97.42%
II	Cổ đông nước ngoài	48	535.955	5.359.550.000	0.36%
1	Cổ đông tổ chức	4	77.210	772.100.000	14.41%
2	Cổ đông cá nhân	44	458.745	4.587.450.000	85.59%
	Tổng cộng	3.834	150.000.000	1.500.000.000.000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2019, Công ty không có bất kỳ hoạt động thay đổi vốn nào.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện, do tập trung nhiều vào việc tái cấu trúc. nên hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty cũng không được tốt như các năm trước đó, khiến cho Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ trong năm 2019 giảm sút đáng kể. Kết quả hợp nhất cả năm 2019. Tổng Doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 11 tỷ đồng đạt mức 37.93% kế hoạch đặt ra; tăng 44% so với năm 2018.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2018 (VND)	31/12/2019 (VND)
I	Tài sản ngắn hạn	66.218	71.436
1	Tiền	720	67
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	48	54
3	Phải thu	62.025	67.878
4	Hàng tồn kho	0	0
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.424	3.436
II	Tài sản dài hạn	392.531	257.483
1	- Phải thu dài hạn	0	0
2	- Tài sản cố định	74.759	69.804
3	- Tài sản dở dang dài hạn	57.197	57.374
4	- Đầu tư tài chính dài hạn	251.803	121.764
5	- Tài sản dài hạn khác	8.770	8.539
	Tổng tài sản	458.749	328.919

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
I	Nợ ngắn hạn	45.800	6.629
1	Vay và nợ ngắn hạn	5.500	0
2	Phải trả người bán	1.829	1.902
3	Người mua trả tiền trước	1.457	163
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	159	0
5	Phải trả người lao động	304	84
6	Chi phí phải trả	1.171	0
7	Các khoản phải trả. phải nộp khác	34.431	3.532
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	947	947

II	Nợ dài hạn	156.303	38.227
1	Vay và nợ dài hạn	2.346	0
2	Thuế TN hoãn lại phải trả	153.957	28.227
	Tổng cộng	202.104	44.857

Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyên nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty.

Liên tục trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính hiện tại. Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả. Đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo, đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2019.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2020, với nỗ lực tối đa, Công ty sẽ từng bước bắt đầu phát triển ổn định, có hiệu quả và có lãi trở lại, kế hoạch cụ thể như sau:

Nhanh chóng hoàn thành quá trình tái cơ cấu, tập trung nguồn lực để ổn định phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước, mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.

Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng, để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong năm 2020.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.

Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

Với nỗ lực từng bước khắc phục khó khăn, Công ty kỳ vọng rằng sau thời điểm cấu trúc này, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định trở lại, thực sự hiệu quả và tiếp tục tăng trưởng phát triển trở lại.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Kết quả kinh doanh này đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên VHG trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc**

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2019 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước.

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới. Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a. **Bộ máy quản lý**

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.

b. **Nguồn nhân lực**

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực.
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận.
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

c. **Các vấn đề khác**

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.

a) **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được qui định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.

- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Thu lao năm 2019 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	0	
Ban kiểm soát	0	

b) Giao dịch cổ phiếu: Không có.

c) Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi Nhánh Hà Thành

Văn Phòng giao dịch: Tầng 12B Tháp Tây, Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : +8424 3837 3666 Fax : +8424 3219 1538

Ý kiến của Kiểm toán

“Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Quảng Nam (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn (Công ty liên kết của Tập đoàn) được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2019 là 121.764.154.666 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 151.864.154.666 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nói trên vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính. Ban Giám đốc và Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và các ảnh hưởng nếu có đến các khoản mục khác trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.
- Đến thời điểm 31/12/2019, Tập đoàn chưa thực hiện tăng tài sản cố định và tính khấu hao đối với Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Số dư xây dựng cơ bản dở dang của dự án tại ngày 31/12/2019 là 57.374.503.791 đồng. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng về các khoản mục này và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và chính xác của khoản mục

này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tập đoàn

- Ngày 08/11/2018, UBND tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định số 3368/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai. Theo đó, Tập đoàn đã bị thu hồi 327.66ha đất tại xã Ba. huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Tập đoàn đã nộp lại các GCN sử dụng đất cho Sở TNMT Quảng Nam và ký Biên bản bàn giao đất cho cơ quan quản lý nhà nước huyện Đông Giang vào ngày 01/8/2019. Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá tổn thất của Dự án Xây dựng hạ tầng cơ sở đang được ghi nhận là tài sản cố định với nguyên giá tại ngày 31/12/2019 là 97.769.569.039 đồng tương ứng với phần diện tích đất đã bị thu hồi. Với các tài liệu hiện có tại đơn vị và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế. Chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu của tài sản cố định cũng như các thiệt hại do bị thu hồi đất. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan cũng như ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh đến báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Không thể phủ nhận ý kiến ngoại trừ như trên. ở đây chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo như sau : Như đã nêu tại Mục 4.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2019 đã chiếm đến 85.64% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2018 là 85.11%). Mặt khác, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông đã không hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 10/4/2019 do Tập đoàn ước tính dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty được đầu tư và không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.



NGUYỄN TRUNG THÀNH
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0068-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		71.436.138.167	66.218.640.012
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10	5.1	67.273.973	720.385.448
1. Tiền	111		67.273.973	720.385.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	54.000.000	48.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(296.000.000)	(302.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.878.710.896	62.025.955.801
1. Phải thu khách hàng	131	5.3	140.507.627.971	10.669.298.506
2. Trả trước cho người bán	132		10.270.581.755	11.468.697.355
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	733.118.333	123.494.918.333
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(83.632.617.163)	(83.606.958.393)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	-	-
1. Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.436.153.298	3.424.298.763
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		573.090.813	562.390.003
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	5.13	2.863.062.485	2.861.908.760
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		257.483.316.995	389.946.301.540
I. Các khoản phải thu dài hạn	21		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		69.804.784.224	81.951.686.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	69.804.784.224	81.951.686.928
- Nguyên giá	222		98.859.358.315	108.636.315.219
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.054.574.091)	(26.684.628.291)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(675.311.099)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế ()			-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.374.503.791	47.420.816.227
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	57.374.503.791	47.420.816.227
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	121.764.154.666	251.803.116.659
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		121.764.154.666	151.864.154.666
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	137.793.510.772
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(37.854.548.779)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.539.874.314	8.770.681.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8.539.874.314	8.770.681.726
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		328.919.455.162	456.164.941.552

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		44,857,567,068	202,104,515,375
I. Nợ ngắn hạn	310		6,629,608,379	45,800,668,411
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1,902,247,348	1,829,601,348
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		163,239,206	1,457,059,726
3. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13		159,252,466
4. Phải trả người lao động	314		84,262,767	304,511,614
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14		1,171,912,597
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3,532,813,392	34,431,284,994
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11		5,500,000,000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947,045,666	947,045,666
II. Nợ dài hạn	330		38,227,958,689	156,303,846,964
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	-	2,346,758,497
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	38,227,958,689	153,957,088,467
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		284,061,888,094	254,060,426,177
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	5.17	284,061,888,094	254,060,426,177
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26,169,114,884	26,169,114,884
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1,284,548,747,761)	(1,276,633,742,871)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1,273,890,206,025)	(1,016,219,355,155)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10,658,541,736)	(260,414,387,716)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		328,919,455,162	456,164,941,552

Quảng Nam; ngày 25 tháng 03 năm 2020



VŨ ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	8,908,654,136	7,926,599,122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8,908,654,136	7,926,599,122
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	8,820,449,640	12,199,282,145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		88,204,496	(4,272,683,023)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2,471,423,406	444,648
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		130,551,878,386	186,391,373,600
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		453,618,010	608,177,357
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	(35,845,334)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13,743,572,745	7,499,182,779
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(141,735,823,229)	(198,198,640,088)
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	6.5	2,493,769	4,890,847,762
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2,493,769)	(4,890,847,762)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(141,738,316,998)	(203,089,487,850)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(115,729,129,778)	63,837,958,038
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(26,009,187,220)	(266,927,445,888)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (61 = 60 - 62)	61		(10,658,541,736)	(260,414,387,716)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(15,350,645,484)	(6,513,058,172)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(71)	(1,597)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(71)	(1,597)

Quảng Nam; ngày 25 tháng 03 năm 2020



VŨ ANH TUẤN
 Tổng Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THỊNH
 Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	(141,738,316,998)	(203,089,487,850)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ	2	4,930,647,246	5,414,689,537
Các khoản dự phòng	3	(37,860,548,818)	(258,441,092)
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5	165,487,321,962	186,559,128,279
Chi phí lãi vay	6	453,618,010	608,177,357
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	8	(8,727,278,598)	(10,765,933,769)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	(8,164,241,537)	42,000,421,816
Tăng giảm hàng tồn kho	10		4,846,214,365
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(32,339,894,969)	(11,491,085,834)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	230,807,412	5,099,010,576
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1,625,530,607)	-
Thuế TNDN đã nộp	15	(158,807,641)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(50,784,945,940)	29,688,627,154
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm; xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(167,119,548)	(166,801,919)
Tiền thu từ thanh lý; nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
Tiền chi cho vay và mua các công nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay; bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(29,400,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55,674,289,104	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,471,423,406	444,648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	57,978,592,962	(29,566,357,271)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp (*)	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
Tiền vay ngắn hạn; dài hạn nhận được	33		120,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7,846,758,497)	-
Cổ tức; lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,846,758,497)	120,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(653,111,475)	242,269,883
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	720,385,448	478,115,565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	67,273,973	720,385,448

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020



VŨ ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 07 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ : 1.500.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2019: 02 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%	72%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty liên kết
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp.Hà Nội	49%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hiện tại, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2019 đã chiếm đến 85,64% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2018 là 85,11%). Mặt khác, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông đã không hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang tiếp tục tìm kiếm các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Giá trị hợp lý/giá thị trường của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập chung tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 12 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 20 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.9 Tài sản cố định vô hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết và hiện đang sử dụng.

4.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.11 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.17 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.18 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Công ty liên kết Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	13.593.796	672.844.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.680.177	47.541.432
Cộng	<u><u>67.273.973</u></u>	<u><u>720.385.448</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Mã chứng khoán	31/12/2019		01/01/2019			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu Công ty CP TM & DV DK Vũng Tàu	20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	302.000.000
Tổng giá trị chứng khoán kinh doanh	20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	302.000.000

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	121.800.000.000	121.764.154.666	(*)	151.900.000.000	151.864.154.666	(*)
Cộng	121.800.000.000	121.764.154.666		151.900.000.000	151.864.154.666	

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019

Tên Công ty	Địa chỉ	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội	49%	Hoạt động tư vấn quản lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây			
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Thống Nhất			
Cộng			

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
	-	-	45.180.510.772	(34.454.839.385)
	-	-	92.613.000.000	(3.399.709.394)
Cộng	-	-	137.793.510.772	(37.854.548.779)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Số dư đầu kỳ	(37.854.548.779)	(172.231.760.846)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng	37.854.548.779	134.377.212.067
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	(37.854.548.779)

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Công ty CP XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	865.742.848	865.742.848
Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
Chi nhánh Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
Ông Trịnh Văn Hà	1.525.710.896	34.000.000.000
Ông Phạm Văn Minh	63.750.000.000	63.750.000.000
Bà Đặng Thúy Hoan	800.000.000	-
Bà Đỗ Thị Bé	56.800.000.000	-
Bà Vi Thị Yến	7.480.000.000	-
Ông Huỳnh Phước Được	-	25.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.205.641.626	8.723.023.057
Cộng	<u>140.507.627.971</u>	<u>133.419.298.506</u>

5.4. Phải thu khác

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Các khoản phải thu khác	665.618.333	(665.618.333)	667.118.333	(665.618.333)
- Công ty CP Điện tử - Viễn thông	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
- Tin học Bưu Điện				
- Các nhà cung cấp khác	-	-	1.500.000	-
Tạm ứng	67.500.000	-	77.800.000	-
Cộng	<u>733.118.333</u>	<u>(665.618.333)</u>	<u>744.918.333</u>	<u>(665.618.333)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Nợ xấu

Thời hạn nợ	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công nợ phải thu khách hàng	75.789.794.972	2.272.877.897	107.869.298.506	34.376.640.201
Nợ quá hạn trên 3 năm	73.196.702.645	-	73.331.241.075	-
Nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	517.381.431	362.167.001	538.057.431	376.640.201
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	550.000.000	385.000.000		
Nợ dưới 6 tháng	1.525.710.896	1.525.710.896	34.000.000.000	34.000.000.000
Ứng trước cho người bán	11.468.697.355	2.018.615.600	11.468.697.355	2.020.015.600
Nợ quá hạn trên 3 năm	8.800.081.755	-	8.798.081.755	-
Nợ quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.300.000.000	650.000.000	1.300.000.000	650.000.000
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	2.000.000	1.400.000
Nợ dưới 6 tháng	1.368.615.600	1.368.615.600	1.368.615.600	1.368.615.600
Phải thu khác	7.514.262.722	6.848.644.389	7.473.128.640	6.807.510.307
Nợ quá hạn trên 3 năm	665.618.333	-	665.618.333	-
Nợ dưới 6 tháng	6.848.644.389	6.848.644.389	6.807.510.307	6.807.510.307
Cộng	<u>94.772.755.049</u>	<u>11.140.137.886</u>	<u>126.811.124.501</u>	<u>43.204.166.108</u>

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(83.606.958.393)	(83.124.502.911)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(180.873.200)	(482.455.482)
Hoàn nhập dự phòng	155.214.430	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>(83.632.617.163)</u>	<u>(83.606.958.393)</u>

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKDDD	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
Cộng	<u>8.910.019.214</u>	<u>(8.910.019.214)</u>	<u>8.910.019.214</u>	<u>(8.910.019.214)</u>

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	57.374.503.791	57.197.773.131
Cộng	<u>57.374.503.791</u>	<u>57.197.773.131</u>

Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 8120572766 ngày 06/5/2016 (Thay thế: Giấy chứng nhận đầu tư số 49/CN-UBND ngày 03/10/2008; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 1 số 38/CN-UBND ngày 14/7/2011 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2 số 90/CN-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc ngày 31/12/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2019	98.097.479.064	608.983.628	110.335.623	42.560.000	98.859.358.315
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	98.097.479.064	608.983.628	110.335.623	42.560.000	98.859.358.315
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2019	23.373.180.449	573.822.993	110.335.623	42.560.000	24.099.899.065
Khấu hao trong kỳ	4.925.841.693	28.833.333	-	-	4.954.675.026
Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	28.299.022.142	602.656.326	110.335.623	42.560.000	29.054.574.091
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	74.724.298.615	35.160.635	-	-	74.759.459.250
Tại ngày 31/12/2019	69.798.456.922	6.327.302	-	-	69.804.784.224

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 588.879.251 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc ngày 31/12/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2019	675.311.099	675.311.099
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư 31/12/2019	<u>675.311.099</u>	<u>675.311.099</u>
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2019	675.311.099	675.311.099
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư 31/12/2019	<u>675.311.099</u>	<u>675.311.099</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	-	-
Tại ngày 31/12/2019	<u>-</u>	<u>-</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 675.311.099 đồng

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dài hạn		
Chi phí đền bù DA Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, Quảng Nam (Phân bổ 50 năm)	8.539.874.314	8.770.681.726
Các khoản khác	-	-
Cộng	<u>8.539.874.314</u>	<u>8.770.681.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

Thuyết minh	31/12/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn <i>Huyện Thị Đà Nẵng</i>	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
b) Vay dài hạn <i>Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây</i>	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	-	-	-	7.846.758.497	7.846.758.497	7.846.758.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
+ Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000	372.575.000	372.575.000
+ Phải trả cho các đối tượng khác	801.697.348	801.697.348	729.051.348	729.051.348
Cộng	1.902.247.348	1.902.247.348	1.829.601.348	1.829.601.348

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.807.641	-	158.807.641	-
Thuế thu nhập cá nhân	444.825	-	444.825	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	159.252.466	6.000.000	165.252.466	-

b) Phải thu

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.824.593.206	-	-	2.824.593.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	-	-	5.231.663
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.153.725	1.153.725
Các loại thuế khác	32.083.891	-	-	32.083.891
Cộng	2.861.908.760	-	1.153.725	2.863.062.485

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.171.912.597
Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	-	1.171.912.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Phải trả khác**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Phải trả, phải nộp khác các bên liên quan</i>	<i>1.145.000.000</i>	<i>405.000.000</i>
Ông Vũ Anh Tuấn	1.145.000.000	405.000.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>2.387.813.392</i>	<i>34.026.284.994</i>
Ông Phan Chí Tâm	-	33.002.000.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.387.813.392</i>	<i>1.024.284.994</i>
Cộng	<u>3.532.813.392</u>	<u>34.431.284.994</u>

5.16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	38.227.958.689	153.957.088.467
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>38.227.958.689</u>	<u>153.957.088.467</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.17. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		LN sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư 01/01/2018	1.500.000.000.000	26.169.114.884			(1.016.219.355.155)		11.038.112.336		520.987.872.065
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	2.584.729.226	-	-	-	2.584.729.226
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(260.414.387.716)	-	(6.513.058.172)	-	(266.927.445.888)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 01/01/2019	1.500.000.000.000	26.169.114.884			(1.274.049.013.645)		4.525.054.164		256.645.155.403
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	158.807.620	-	37.916.466.807	-	38.075.274.427
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(10.658.541.736)	-	-	-	(10.658.541.736)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	1.500.000.000.000	26.169.114.884			(1.284.548.747.761)		42.441.520.971		284.061.888.094

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 31/12/2019	đến 30/6/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

d) Cổ tức
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019:
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hoá	8.908.654.136	7.926.599.122
Cộng	8.908.654.136	7.926.599.122

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	8.820.449.640	12.199.282.145
Cộng	8.820.449.640	12.199.282.145

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	292.393	444.648
Lãi bán các khoản đầu tư	2.471.131.013	-
Cộng	2.471.423.406	444.648

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	453.618.010	608.177.357
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	167.958.745.368	186.523.727.593
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(37.860.548.818)	(740.896.554)
Chi phí tài chính khác	63.826	365.204
Cộng	130.551.878.386	186.391.373.600

6.5. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản khác	-	4.889.621.206
Cộng	-	4.889.621.206

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	13.882.913.975	7.499.182.779
Chi phí nguyên vật liệu	-	32.089.913
Chi phí nhân viên quản lý	501.897.488	775.697.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.930.647.246	5.414.689.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.286.234	427.461.941
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7.500.000.000	482.455.482
Chi phí khác	489.083.007	366.788.760
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(139.341.230)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(139.341.230)	-
Cộng	<u>13.743.572.745</u>	<u>7.499.182.779</u>

6.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.089.913
Chi phí nhân công	501.897.488	775.697.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.930.647.246	5.414.689.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.286.234	430.461.941
Chi phí khác bằng tiền	489.083.007	77.971.703
Cộng	<u>6.382.913.975</u>	<u>6.730.910.240</u>

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(115.729.129.778)	63.837.958.038
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(115.729.129.778)</u>	<u>63.837.958.038</u>

Lãi trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(10.658.541.736)	(260.414.387.716)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(10.658.541.736)	(260.414.387.716)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	150.000.000	150.000.000
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	(71)	(1.736)
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	(71)	(1.736)

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mượn tiền		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	740.000.000	120.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả khác		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.145.000.000	405.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương	-	117.326.000
	-	117.326.000

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 31/12/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Mua cổ phần và trở thành công ty liên kết		
Công ty CP SX Ứng dụng công nghệ Cao Thái Sơn	-	151.900.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác: Không

7.3. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.4. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tập đoàn đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Đầu năm	Số phân loại	Đầu năm
		(đã kiểm toán)		(sau phân loại)
		VND	VND	VND
Phải thu ngắn khách hàng	131	10.669.298.506	122.750.000.000	133.419.298.506
Phải thu ngắn hạn khác	221	123.494.918.333	(122.750.000.000)	744.918.333
Nguyên giá TSCĐ HH	222	108.636.315.219	(9.776.956.904)	98.859.358.315
Giá trị HMLK TSCĐ HH	223	(26.684.628.291)	2.584.729.226	(24.099.899.065)
Xây dựng cơ bản DD	242	47.420.816.227	9.776.956.904	57.197.773.131
LNST Chưa phân phối	421	(1.276.633.742.871)	2.584.729.226	(1.274.049.013.645)

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện tại, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2019 đã chiếm đến 85,64% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2018 là 85,11%). Mặt khác, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông đã không hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình tìm kiếm các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới.

7.6. Vấn đề khác

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã ra Nghị quyết số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019. Theo Điều 7 của Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



TRƯƠNG VĂN THỊNH

TRƯƠNG VĂN THỊNH

VŨ ANH TUẤN